HỒI HƯƠNG NGẪU THƯ – KỲ I
HẠ TRI CHƯƠNG

V.N.

... Có Những Cuộc Trở Về Lại Khiến Con Người Cảm Thấy Mình Là Kẻ Xa Lạ

rong đời người, có lẽ không có gì thân thuộc bằng *quê hương*. Đó là nơi ta cất tiếng khóc đầu tiên, nơi có tiếng nói của cha mẹ, có những con đường quen, những hàng cây, mái nhà và những kỷ niệm của tuổi thơ.

Nhưng con người có thể xa quê quá lâu.

Xa đến nỗi một ngày kia trở về, cảnh vật vẫn còn đó, quê hương vẫn mang tên cũ, tiếng nói quê mình vẫn còn trong miệng mình, nhưng *con người của quê hương đã thay đổi.* Những người từng biết ta có thể đã mất. Một thế hệ mới đã lớn lên. Và thật cay đắng biết bao khi chính người trở về quê hương lại bị hỏi: “Ông khách từ đâu đến?”

Đó chính là tình huống được diễn tả trong bài thơ nổi tiếng《回鄉偶書》其一 – *Hồi hương ngẫu thư, kỳ nhất* của Hạ Tri Chương (賀知章, 659–744).

Bài thơ nguyên văn:

少小離家老大回
鄉音無改鬢毛衰
兒童相見不相識
笑問客從何處來

Phiên âm Hán Việt:

Thiếu tiểu ly gia lão đại hồi
Hương âm vô cải mấn mao suy
Nhi đồng tương kiến bất tương thức
Tiếu vấn khách tòng hà xứ lai

Dịch nghĩa:

Thuở còn nhỏ đã rời nhà, đến già mới trở về;
Giọng quê vẫn không đổi, nhưng tóc mai đã thưa bạc.
Trẻ con nhìn thấy nhau mà không nhận ra ta;
Chúng cười hỏi: "Ông khách từ nơi nào đến?"

Bốn câu thơ chỉ kể một câu chuyện rất đơn giản. Nhưng càng đọc, ta càng nhận ra rằng đằng sau câu chuyện ấy là *bi kịch nhẹ nhàng của thời gian:* một người ra đi khi còn trẻ, trở về khi đã già, vẫn nhớ quê nhưng quê hương

dường như không còn nhận ra mình nữa.

Bản văn của bài thơ hiện được lưu trong *Toàn Đường thi* và thường được xếp trong nhóm những bài thất ngôn tuyệt cú nổi tiếng nhất của Hạ Tri Chương.

... Tác Giả Hạ Tri Chương: Một Người Đi Xa Rồi Mới Trở Về

Hạ Tri Chương, chữ *Quý Chân* (季真), là một nhà thơ đời Đường. Ông quê ở vùng Việt Châu, thuộc khu vực Chiết Giang ngày nay.

Ông sống trong một thời đại huy hoàng của nhà Đường và làm quan nhiều năm tại kinh đô. Đến cuối đời, khi tuổi đã rất cao, ông mới cáo quan trở về quê cũ.

Theo các tư liệu phổ biến, năm 744, Hạ Tri Chương từ quan và trở về quê nhà khi đã hơn tám mươi tuổi. Chính trong hoàn cảnh ấy, ông viết hai bài thơ mang tên 《回鄉偶書》 – *Hồi hương ngẫu thư 1* và *2*.

"Hồi hương ngẫu thư" nghĩa là gì?

Ta có thể tách nhan đề thành bốn phần:

Hồi (回): trở về.
Hương (鄉): quê hương.
Ngẫu (偶): tình cờ, ngẫu nhiên, nhân một dịp.
Thư (書): viết.

Vì thế, *hồi hương ngẫu thư* = Nhân khi trở về quê, ngẫu nhiên viết ra cảm xúc của mình.

Chữ "*ngẫu thư*" đặc biệt đáng chú ý.

Nhà thơ nói là viết "ngẫu nhiên", như thể chỉ tiện tay ghi lại một chuyện vừa xảy ra. Nhưng chính cái vẻ *tự nhiên, không làm dáng* ấy lại khiến bài thơ cảm động.

Thơ hay đôi khi không cần những lời thật lớn lao.

Một ông già về quê. Mấy đứa trẻ chạy đến. Chúng hỏi: "Ông từ đâu đến?"

Thế là đủ để thành một bài thơ bất hủ.

... Hai Câu Đầu: Cả Một Đời Người Trong Hai Mươi Bốn Chữ

少小離家老大回
Thiếu tiểu ly gia lão đại hồi

Thuở nhỏ rời nhà, lúc già mới trở về.

Đây là một câu thơ đặc biệt cô đọng.

"Thiếu tiểu" – 少小

Thiếu là trẻ, nhỏ tuổi.
Tiểu cũng có nghĩa là nhỏ.

Hai chữ ghép lại *thiếu tiểu* có nghĩa là thuở còn bé, lúc còn trẻ.

Đối lại với nó là: **"Lão đại" – 老大**

Trong tiếng Việt ngày nay, chữ "lão đại" đôi khi được dùng với nghĩa khác, như "đại ca", "người đứng đầu". Nhưng trong văn cảnh cổ ở đây:

Lão = già.
Đại = lớn.

Lão đại có nghĩa là tuổi đã lớn, đã già.

Như vậy, ngay trong một câu thơ, nhà thơ đặt hai đầu của cuộc đời cạnh nhau: Thiếu tiểu ↔ Lão đại

Một bên là *tuổi trẻ.*
Một bên là *tuổi già.*
Một bên là *ly gia – rời nhà.*
Một bên là *hồi – trở về.*

Ta có thể thấy cấu trúc đối xứng rất đẹp:

Thiếu tiểu	↔	Lão đại
Trẻ	↔	Già
Ly gia	↔	Hồi
Ra đi	↔	Trở về

Nhưng giữa hai đầu ấy là gì?

Nhà thơ không nói. Ông không kể mình đã sống bao nhiêu năm, đi qua những đâu, làm những gì.

Chỉ có:

Thiếu tiểu ly gia
Lão đại hồi

Từ "thiếu" đến "lão", cả một đời người đã trôi qua.

Đó là nghệ thuật *hàm súc* của thơ cổ.

Hàm súc nghĩa là gì?

Hàm là chứa đựng. *Súc* là thu lại, cô đọng. Văn chương *hàm súc* là dùng ít lời mà chứa nhiều ý.

Chỉ bảy chữ: *Thiếu tiểu ly gia lão đại hồi* mà người đọc có thể hình dung được tuổi trẻ, sự ra đi, những năm tháng xa xứ, công danh, cuộc đời làm quan, và cuối cùng là tuổi già trở về.

Cả một đời người nằm gọn trong một câu thơ.

鄉音無改鬢毛衰
Hương âm vô cải mấn mao suy

Giọng quê không đổi, nhưng tóc mai đã thưa bạc.

Nếu câu đầu nói về *thời gian của đời người*, câu thứ hai nói về *dấu vết của thời gian trên thân thể*.

"Hương âm" – 鄉音

Hương = quê hương.
Âm = âm thanh.

Hương âm nghĩa là giọng nói quê hương, giọng địa phương.

Điều đáng cảm động là nhà thơ đã xa quê rất lâu, nhưng *hương âm vô cải* – giọng quê không thay đổi.

Có những thứ thời gian có thể lấy đi nhưng có những thứ thời gian rất khó xóa. Giọng nói quê hương là một trong những thứ ấy.

Người Việt sống xa quê nhiều chục năm vẫn có thể giữ một âm sắc Bắc, một giọng Huế, một giọng Quảng, một giọng Nam…

Nghe một tiếng nói, đôi khi người ta nhận ra ngay: "À, người này chắc quê ở vùng ấy." Bởi vậy, *hương âm* không chỉ là âm thanh. Nó còn là *ký ức quê hương.* Nó là một phần của căn cước con người.

"Vô cải" – 無改

Vô = không.
Cải = thay đổi.

Vô cải có nghĩa là không thay đổi nhưng ngay sau cái *không đổi* ấy, nhà thơ lại đưa vào một sự thay đổi rất lớn: *mấn mao suy* – 鬢毛衰

"Mấn mao" – 鬢毛

Mấn (鬢) là rìa tóc ở hai bên thái dương.
Mao là lông, tóc nói chung.

Mấn mao là tóc mai.

"Suy" – 衰[1]

Chữ *suy* ở đây không phải chỉ là "suy nghĩ" hay "suy luận". Nó có nghĩa là suy giảm, thưa đi, tàn úa.

Mấn mao suy là "tóc mai đã thưa, đã bạc, đã mang dấu vết tuổi già" và cái hay nhất của câu thơ nằm ở sự đối lập:

> *Hương âm vô cải*
> *Mấn mao suy*

Một bên: Không thay đổi.

Một bên: Đã thay đổi.

Một bên là: Giọng quê vẫn còn.

Một bên là: Con người đã già.

Đây là một nghịch lý rất đẹp: *Tâm hồn vẫn mang quê hương cũ, nhưng thân thể đã không còn là thân thể của ngày xưa.*

Thời gian đã đi qua nhà thơ. Ông vẫn nói bằng giọng quê nhưng mái tóc đã tố cáo tuổi tác.

... Hai Câu Cuối: Một Câu Hỏi Ngây Thơ Mà Đau Đến Lạ

> 兒童相見不相識
> *Nhi đồng tương kiến bất tương thức*

Trẻ con nhìn thấy ta mà không nhận ra.

---

[1] Có dị bản thay *suy* 衰 bằng *tồi* 摧. Xem bài "ÁN THƠ 鬢毛衰, Một chữ, một nghìn năm" của V.N.

“Nhi đồng” – 兒童

Nhi = trẻ nhỏ.
Đồng = trẻ em.

Nhi đồng nghĩa là trẻ con.

Ở đây có một sự đối lập rất kín đáo: *Thiếu tiểu* – nhà thơ ngày xưa là trẻ nhỏ. Bây giờ: *Nhi đồng* – những đứa trẻ mới của quê hương. Ngày xưa ông là đứa trẻ của làng. Bây giờ những đứa trẻ của làng không biết ông là ai.

Đó là vòng quay của thế hệ.

Một thế hệ đi qua. Một thế hệ khác xuất hiện.

“Bất tương thức” – 不相識

Bất = không.
Thức = biết, nhận biết.

Bất tương thức nghĩa là không nhận ra nhau.

Nhưng ở đây, thực ra không phải là hai bên đều không biết nhau. Nhà thơ biết rõ đây là quê mình. Những đứa trẻ không biết đây là người của quê mình. Vì thế, câu thơ chứa một nỗi buồn rất đặc biệt: *Người vẫn thuộc về quê hương, nhưng quê hương đã không còn nhận ra người.*

笑問客從何處來
Tiếu vấn khách tòng hà xứ lai

Cười hỏi: “Người khách từ nơi nào đến?”

Đây là câu thơ nổi tiếng nhất bài.

“Tiếu vấn” – 笑問

Tiếu = cười.
Vấn = hỏi.

Tiếu vấn nghĩa là cười mà hỏi.

Trẻ con không có ác ý. Chúng chỉ tò mò.

Một ông già lạ mặt, ăn mặc lịch sự, cưỡi lừa, chở hành lý xuất hiện trong làng. Người già ở đây không như vậy.

Chúng chạy đến, cười và hỏi. Đó là một cảnh rất tự nhiên. Nhưng chính sự hồn nhiên ấy lại làm nhà thơ đau.

“Khách” – 客

Chữ *khách* là trung tâm của cả bài thơ.

Khách là người từ nơi khác đến. Người không thuộc về nơi mình đang đứng.

Nhưng Hạ Tri Chương có phải là khách không?

Không.

Ông là người quê ấy. Ông sinh ra ở đó. Ông trở về nhà mình. Vậy mà trẻ con gọi ông là *khách.* Đây chính là cái đau nhất của bài thơ. Người trở về quê mình lại bị xem như người từ nơi khác đến.

Trong văn học, có một nghịch lý rất lớn: Có khi con người đi xa quá lâu đến nỗi lúc trở về, mình vừa là người quen, vừa là người lạ.

Ta biết nơi ấy. Nhưng nơi ấy không còn biết ta.

... "Chủ" Bỗng Thành "Khách": Nỗi Buồn Sâu Kín Của Bài Thơ

Trong văn hóa truyền thống, *chủ* và *khách* là hai khái niệm đối lập.

Chủ là người thuộc về một nơi.
Khách là người đến từ bên ngoài.

Hạ Tri Chương vốn là *chủ* của quê hương mình.

Nhưng khi trở về, ông lại bị xem là *khách.*

Ta có thể gọi đây là một tình trạng "*Phản chủ vi khách*" – 反主為客 nghĩa là người vốn là *chủ* lại trở thành *khách*.

Tất nhiên, Hạ Tri Chương không dùng trực tiếp thành ngữ ấy trong bài thơ. Nhưng đó là một cách rất thích hợp để diễn tả nghịch cảnh của ông.

Đây là nỗi buồn của những người xa quê lâu năm.

Có người trở về làng cũ:

> con đường vẫn còn,
> con sông vẫn còn,
> tên làng vẫn còn,

nhưng:

> bạn bè đã mất,
> người thân đã già,
> những đứa trẻ không biết mình.

Khi ấy, người ta có thể đứng ngay trên quê hương mình mà vẫn cảm thấy *mình là người lạ*.

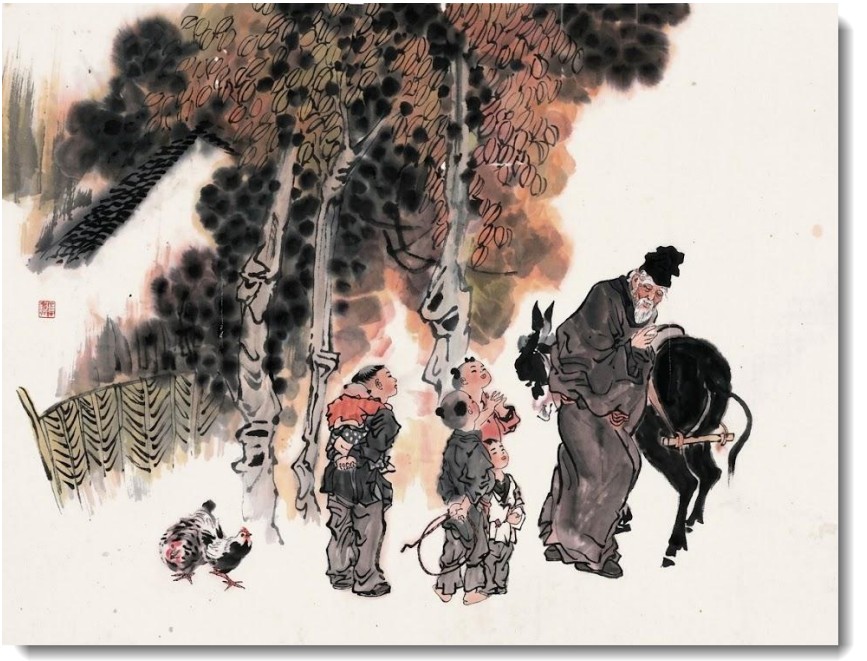

... Tại Sao Bài Thơ Buồn Mà Không Hề Bi Lụy?

Điều kỳ lạ là bài thơ rất buồn, nhưng không có một chữ nào trực tiếp nói buồn, đau, nhớ, khóc, cô đơn.

Hạ Tri Chương không nói:

"Ta đau lòng."

Ông chỉ kể:

"Trẻ con cười hỏi ta từ đâu đến."

Vậy mà người đọc lại cảm thấy buồn.

Đó là nghệ thuật "*Ngôn tại thử, ý tại bỉ*" – 言在此，意在彼. Có thể hiểu đơn giản *lời nói ở đây, nhưng ý nghĩa còn nằm ở nơi khác.*

Nhà thơ chỉ nói chuyện trẻ con nhưng người đọc hiểu chuyện thời gian.

Nhà thơ chỉ nói chuyện "khách" nhưng người đọc hiểu chuyện mất mát.

Nhà thơ chỉ nói một câu hỏi nhưng người đọc nghe thấy cả một đời người trả lời.

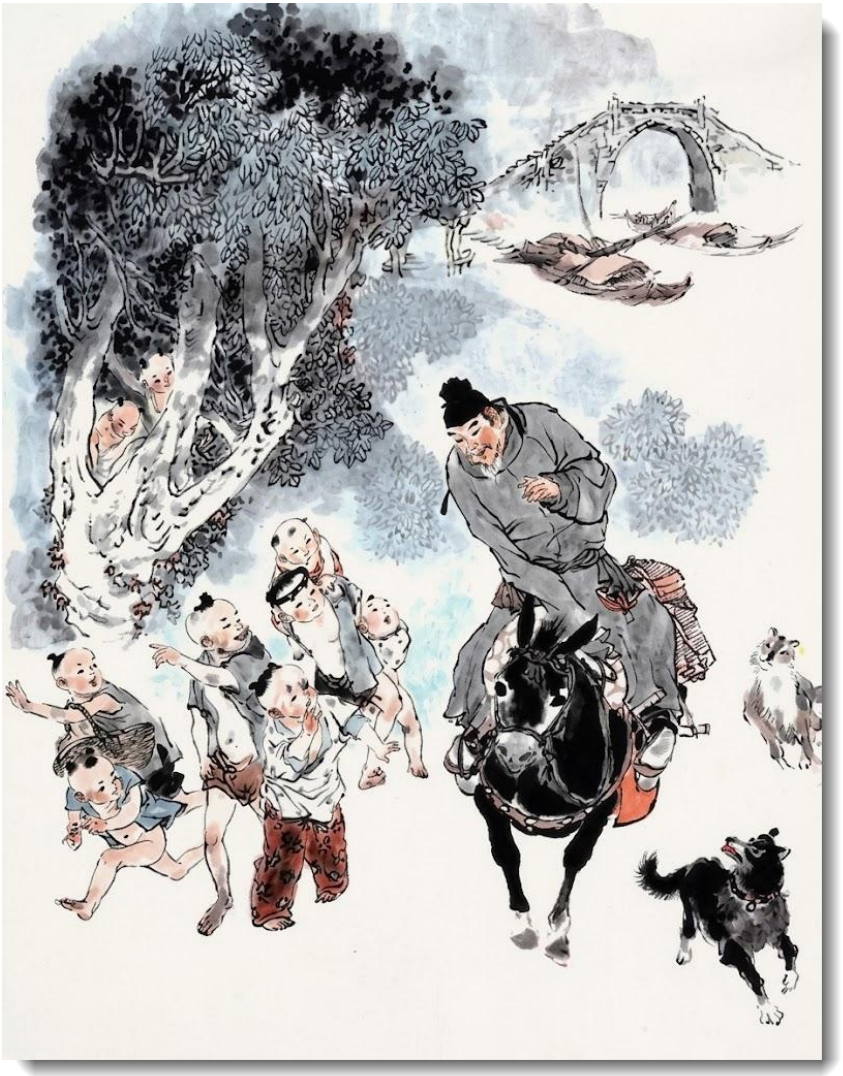

... "Hữu Vấn Vô Đáp": Có Hỏi Mà Không Có Câu Trả Lời

Bài thơ kết thúc bằng một câu hỏi:

> *Khách tòng hà xứ lai?*
> *Người khách từ đâu đến?*

Nhưng nhà thơ không trả lời.

Đây là một nghệ thuật rất quan trọng. Ta có thể gọi là "Hữu vấn vô đáp" – 有問無答

> *Hữu* 有 = có.
> *Vấn* 問 = hỏi.
> *Vô* 無 = không.
> *Đáp* 答 = trả lời.

Có câu hỏi mà không có câu trả lời.

Nếu Hạ Tri Chương viết tiếp "Ta là người quê này" thì bài thơ có lẽ sẽ khép lại quá dễ dàng.

Nhưng ông không nói. Ông để câu hỏi ấy lơ lửng. Và chính sự lơ lửng ấy làm dư âm bài thơ kéo dài.

Người đọc tự nghe câu trả lời trong lòng mình:

> *Ta từ đâu đến ư?*
> *Ta từ chính nơi này đến.*
> *Nhưng nơi này đã không còn nhận ra ta.*

Đó là cái gọi là "*Ngôn hữu tận nhi ý vô cùng*" – 言有盡而意無窮. Lời có thể hết, nhưng ý nghĩa thì không cùng.Bài thơ chỉ có bốn câu. Nhưng sau câu thơ cuối cùng, suy nghĩ của người đọc mới bắt đầu.

... Thời Gian: Nhân Vật Vô Hình Của Bài Thơ

Nếu hỏi: "Nhân vật chính của bài thơ là ai?"

Ta có thể trả lời là Hạ Tri Chương hay là những đứa trẻ?

Có lẽ còn một nhân vật quan trọng hơn. Đó là *thời gian.*

Thời gian không xuất hiện trực tiếp nhưng nó ở khắp nơi.

Thời gian nằm trong:

Thiếu tiểu → Lão đại

Thời gian nằm trong:

Vô cải → Suy

Thời gian nằm trong:

Nhi đồng Một thế hệ mới xuất hiện.

Thời gian khiến:

đứa trẻ trở thành người già,
người quen trở thành người lạ,
chủ nhà trở thành khách.

Nhà thơ không hề nói "Thời gian thật tàn nhẫn" nhưng cả bài thơ chính là chứng tích của sự trôi chảy ấy.

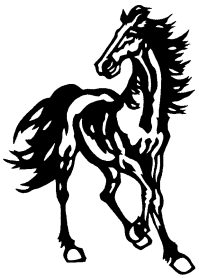

... Nghệ Thuật Đối Lập: Cái Khung Của Cả Bài Thơ

Bài thơ được xây dựng bằng những cặp đối lập.

1. Tuổi trẻ và tuổi già

    Thiếu tiểu ↔ Lão đại

2. Ra đi và trở về

    Ly gia ↔ Hồi

3. Không đổi và thay đổi

    Hương âm vô cải ↔ Mấn mao suy

4. Người quê và người khách

    Chủ ↔ Khách

5. Quá khứ và hiện tại

    Ngày xưa: một đứa trẻ rời quê. ↔ Hôm nay: một ông già trở về.

Chính những đối lập ấy làm bài thơ rất ngắn mà có chiều sâu.

... Đây Có Phải Chỉ Là Bài Thơ Về Quê Hương?

Không.

Nếu chỉ nói bài thơ diễn tả "Tình yêu quê hương" thì chưa đủ. Bài thơ còn nói về:

1. Con người và thời gian

Không ai thắng được thời gian.

2. Cá nhân và thế hệ

Một người có thể nhớ cả quá khứ. Nhưng thế hệ mới không nhất thiết biết quá khứ ấy.

3. Căn cước và ký ức

Ta biết mình thuộc về đâu. Nhưng nơi ấy có còn nhận ra ta không?

4. Sự xa lạ trong chính điều thân thuộc

Có những nơi: càng thân thuộc trong ký ức, càng xa lạ khi trở lại sau nhiều năm. Đó là lý do bài thơ vượt qua giới hạn của thời Đường.

Ngày nay, người sống xa quê ở Hoa Kỳ, Canada, Úc, Pháp, Đức,… nhiều chục năm sau trở về quê cũ, có thể cũng cảm thấy một phần tâm trạng của Hạ Tri Chương.

Quê vẫn là quê nhưng người đã khác.

Quê cũng đã khác.

Và chính mình cũng đã khác.

... So Sánh Với "Tĩnh Dạ Tứ" Và "Độc Tọa Kính Đình Sơn"

Nếu đặt bài thơ này bên cạnh hai bài thơ đã học trước đó, ta sẽ thấy ba cách khác nhau để diễn tả tâm trạng con người.

1. "Tĩnh dạ tứ" của Lý Bạch

Trong *Tĩnh dạ tứ*, Lý Bạch nhìn ánh trăng và nhớ quê. Đó là *đang xa quê mà nhớ quê.*

2. “Hồi hương ngẫu thư” của Hạ Tri Chương

Hạ Tri Chương đã trở về quê nhưng ông lại cảm thấy mình như người xa lạ. Đó là *đã về quê mà vẫn thấy xa quê*.

Hai bài thơ tạo thành một nghịch lý rất đẹp: Xa quê thì nhớ quê. Về quê lại thấy mình không còn thuộc hẳn về quê như ngày xưa.

3. “Độc tọa Kính Đình sơn” của Lý Bạch

Trong bài thơ ấy, con người tìm đến sự cô độc giữa thiên nhiên. Cuối cùng *“Tương khan lưỡng bất yếm*
Chỉ hữu Kính Đình sơn”

Người và núi nhìn nhau.

Không chán nhau.

Còn trong *Hồi hương ngẫu thư*, con người đứng giữa chính cộng đồng của mình, nhưng lại bị gọi là *khách.*

Một bài là *cô đơn giữa thiên nhiên*.

Một bài là *xa lạ giữa quê hương*.

Cả hai đều đặt ra một câu hỏi lớn: *Con người thực sự thuộc về đâu?*

... Bài Học Về Cách Đọc Thơ Cổ

Khi đọc một bài thơ cổ ngắn như thế này, học sinh không nên chỉ hỏi: “Bài thơ dịch nghĩa là gì?”

Điều quan trọng hơn là phải hỏi:

1. Nhà thơ nói gì?

Ông kể chuyện trở về quê.

2. Nhà thơ không nói gì?

Ông không trực tiếp nói mình buồn.

3. Vì sao không nói mà ta vẫn cảm thấy buồn?

Bởi vì:

sự đối lập giữa trẻ và già,
giữa không đổi và đổi thay,
giữa người quê và người khách.

4. Câu nào là câu quan trọng nhất?

Có thể nói: "*Tiếu vấn khách tòng hà xứ lai"* bởi vì một câu hỏi ngây thơ đã làm bật lên toàn bộ bi kịch của thời gian.

Đọc thơ cổ là học cách nghe điều được nói bằng lời và cả *điều không được nói bằng lời*.

... Một Vài Từ Hán Việt Cần Nhớ

Chữ	**Hán Việt**	**Nghĩa**
回	*Hồi*	Trở về
鄉	*Hương*	Quê hương
偶	*Ngẫu*	Tình cờ
書	*Thư*	Viết, sách
少小	*Thiếu tiểu*	Tuổi trẻ, thuở nhỏ
離	*Ly*	Rời xa
家	*Gia*	Nhà

老大	*Lão đại*	Già, tuổi đã lớn
音	*Âm*	Âm thanh
無	*Vô*	Không
改	*Cải*	Thay đổi
鬢	*Mấn*	Tóc mai
衰	*Suy*	Suy giảm, thưa, tàn
兒童	*Nhi đồng*	Trẻ em
識	*Thức*	Nhận biết
笑	*Tiếu*	Cười
問	*Vấn*	Hỏi
客	*Khách*	Người từ nơi khác đến
從	*Tòng*	Từ, theo
何	*Hà*	Nào, gì
處	*Xứ*	Nơi chốn
來	*Lai*	Đến

... Kết Luận: Một Nụ Cười, Một Câu Hỏi, Một Đời Người

Hồi hương ngẫu thư – kỳ I là một bài thơ rất ngắn nhưng nó chứa đựng một cuộc đời, một quê hương, một quãng thời gian dài, nhiều thế hệ, và một nỗi buồn rất sâu.

Điều kỳ diệu nhất là Hạ Tri Chương không hề than thở.

Ông không khóc.

Ông không trách thời gian.

Ông chỉ để cho trẻ con hỏi "Khách từ đâu đến?" nhưng chính câu hỏi ấy làm người đọc chợt nhận ra: Có những lúc trong cuộc đời, ta đi rất xa để trở về nơi mình bắt

đầu. Nhưng khi trở về, thời gian đã biến ta thành một người khác.

Bài thơ bắt đầu bằng "*Thiếu tiểu ly gia*" – thuở nhỏ rời nhà và kết thúc bằng "*Khách tòng hà xứ lai?*" – khách từ đâu đến?

Một đầu là *người ra đi*. Một đầu là *người trở về*. Nhưng giữa hai đầu ấy là cả một câu hỏi lớn của đời người: *Sau bao nhiêu năm tháng đổi thay, ta còn là ai trong ký ức của quê hương?*

Có lẽ vì thế mà hơn một nghìn năm qua, bốn câu thơ của Hạ Tri Chương vẫn còn làm xúc động người đọc. Bởi vì, suy cho cùng, mỗi con người đều có một quê hương để nhớ. Và cũng có thể, trong một khoảnh khắc nào đó của đời mình, mỗi chúng ta đều từng cảm thấy như Hạ Tri Chương: *Ta đang đứng ở một nơi rất quen. Nhưng bỗng nhiên nhận ra nơi ấy đã trở nên xa lạ*.

Đó là nỗi buồn của sự trở về nhưng cũng chính vì biết thời gian có thể lấy đi nhiều thứ, ta càng hiểu giá trị của những gì còn giữ được trong lòng:

> Một tiếng nói quê hương.
> Một ký ức tuổi thơ.
> Một mái nhà cũ.

Và một nơi mà dù đi xa đến đâu, ta vẫn gọi là: *Quê nhà.*